

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2019/HS-ST**

Ngày: 24/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hiệp.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Cẩm T (tên thường gọi là Cẩm); Sinh ngày: 03/10/1991; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 119B/7 đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M và bà: Lê Thị Mỹ D (chết); Có chồng: Là ông Phó Kiến Phát và con: Có 01 người con, sinh ngày: 20/8/2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/8/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 86/QĐ-UBND); Bị bắt, tạm giam ngày 11/4/2019.

Nhân thân:

- Ngày 10/4/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 27/QĐ-UBND).

- Ngày 23/01/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 10/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 29/9/2016 (Giấy chứng nhận về việc chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc số: 151/GCN-TTPN ngày 27/8/2016 của Trường Giáo dục Lao động Xã hội Phú Nghĩa).

- Ngày 16/01/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 29/QĐ-TA).

(có mặt)

2. **Đặng Hoàng Xuân K** (tên thường gọi là Thanh); Sinh ngày: 01/02/1976; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 33 đường BĐ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Ngọc L (chết) và bà: Võ Thị K1; Có vợ: Là bà Lê kim N và con: Có 01 người con, sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 12/12/2018.

Tiền án:

- Ngày 10/5/1993, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» (Bản án số: 110/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/8/1994 (Giấy ra trại số: 2564/GRT). Chưa nộp tiền án phí (Công văn trả lời xác minh số: 997/XN-CCTHADS ngày 30/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 12/8/1995, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» (Bản án số: 1038/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/1997 và hình phạt bổ sung ngày 14/6/1996 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 65/GCN của Trại giam Xuân Phước và Công văn trả lời xác minh số: 1002/XN-CCTHADS ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 18/4/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Bản án số: 1103/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/2008 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 473/GCN của Trại giam Xuân Lộc). Chưa nộp tiền án phí và tiền phạt (Công văn trả lời xác minh số: 2679/CTHADS-VP ngày 19/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân:

- Ngày 20/3/1992, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội «Cướp tài sản của công dân» (Bản án số: 108/HSST) và được trả tự do tại Tòa (Quyết định trả tự do số: 108/HSST ngày 20/3/1992 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

(có mặt)

- Bị hại:

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số F; Địa chỉ: 261-263 đường KH, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Bạch Đ1; Sinh năm: 1972 - Là Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đỗ Ngọc T1; Sinh năm: 1991; Thường trú: Thôn TH, xã Đ, huyện KN, tỉnh ĐL. Chỗ ở: 294 đường BL, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hộ kinh doanh HTT; Địa chỉ: 453 đường HB, Phường N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện Hộ kinh doanh: Ông HTT; Sinh năm: 1975; Thường trú: 30/8 đường PĐC, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 769/2 đường PTH, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Võ Thị K1; Sinh năm: 1948; Trú tại: 33 đường BĐ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 27/10/2018, Lê Thị Cẩm T bế con tên Lê Gia B đến Cửa hàng điện thoại F (trực thuộc Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số F) tại địa chỉ 01 đường HG, Phường B, Quận F xem điện thoại. Tại quầy trưng bày điện thoại di động, thấy không có nhân viên trông coi, T liền nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64Gb Silver màu trắng đang để trưng bày. Để thực hiện ý định, T đi đến chỗ để chiếc điện thoại rút dây báo động ra khỏi máy rồi lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần và đi ra khỏi cửa hàng.

Sau đó, T đến gặp và kể cho Đặng Hoàng Xuân K nghe việc Tú vừa lấy trộm được chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, đồng thời đưa chiếc điện thoại nhờ K đem bán. Sau khi đồng ý, K đem chiếc điện thoại đến cửa hàng mua bán điện thoại TP - Số 453 đường HB, Phường D, Quận E bán cho ông HTT (chủ cửa hàng) với giá 4.000.000 đồng, K đưa cho T 1.200.000 đồng, còn lại K cất giữ tiêu xài.

Về phía nhân viên Cửa hàng điện thoại F, sau khi phát hiện thấy mất chiếc điện thoại đã báo cho ông Trần Đỗ Ngọc T1 (quản lý cửa hàng) biết. Qua kiểm tra Camera ghi hình thì phát hiện T chính là người đã lấy trộm chiếc điện thoại nên báo Công an Phường B, Quận 6 giải quyết.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 bắt giữ Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K. Qua đấu tranh, cả hai đều khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Quá trình điều tra, ông HTT đã giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64Gb Silver cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 để trả cho Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số F.

Tại Văn bản số: 1715/TCKH ngày 29 tháng 10 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 01 điện thoại di động Iphone X 64Gb Silver, có giá là: 21.600.000 đồng.

Đối với ông HTT, là người mua chiếc điện thoại di động Iphone X 64Gb Silver từ Đặng Hoàng Xuân K, nhưng ông HTT không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 33/1/CT-VKS ngày 23 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị Cẩm T về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Đặng Hoàng Xuân K về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị Cẩm T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng tại Cửa hàng điện thoại F (địa chỉ 01 đường HG, Phường B, Quận F) vào tối ngày 27/10/2018 và sau đó đưa cho Đặng Hoàng Xuân K đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài như nội dung bản cáo trạng nêu;

Bị cáo Đặng Hoàng Xuân K khai nhận chính bị cáo sau khi biết rõ chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng là do Lê Thị Cẩm T lấy trộm của Cửa hàng điện thoại F, nhưng bị cáo vẫn đem đi bán lấy 4.000.000 đồng, bị cáo chia cho Lê Thị Cẩm T 1.200.000 đồng, còn lại bị cáo cất giữ tiêu xài như nội dung bản cáo trạng nêu;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Thị K1 xác nhận sau sự việc xảy ra, bà đã thỏa thuận hoàn trả cho ông HTT số tiền 2.000.000 đồng và ông HTT đã đồng ý bãi nại cho con bà là bị cáo Đặng Hoàng Xuân K. Nay, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền này, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho con bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Thị Cẩm T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Đặng Hoàng Xuân K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo Lê Thị Cẩm T nộp lại 1.200.000 đồng; buộc bị cáo Đặng Hoàng Xuân K nộp lại 800.000 đồng, là những khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Gia đình bị cáo Đặng Hoàng Xuân K và ông HTT đã thỏa thuận giải quyết xong, nên không đề nghị giải quyết.

Riêng Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số F không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ đồ áo thun tay ngắn màu đỏ, quần thun màu đỏ; 01 cái áo thun trẻ em màu vàng nhạt; 01 quần đùi trẻ em màu xanh dương.

Các vật chứng khác, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và đều xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản kiểm tra hình ảnh qua Camera của Công an Quận 6; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của các ông Trần Đỗ Ngọc T1, HTT và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Bị cáo Lê Thị Cẩm T đã lợi dụng sự sơ hở của nhân viên Cửa hàng điện thoại F (địa chỉ 01 đường Hậu Giang, Phường B, Quận 6), lén lút chiếm đoạt của Cửa hàng điện thoại F 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64Gb Silver màu trắng trị giá 21.600.000 đồng vào tối ngày 27/10/2018, là phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố. Hành vi này của bị cáo Lê Thị Cẩm T không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương.

[2.2] Còn bị cáo Đặng Hoàng Xuân K tuy không hứa hẹn trước, nhưng đã tiêu thụ tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64Gb Silver màu trắng mà bị cáo biết rõ đó là chiếc điện thoại do bị cáo Lê Thị Cẩm T lấy trộm của Cửa hàng điện thoại F. Hành vi này của bị cáo Đặng Hoàng Xuân K đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có và gây ảnh

hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đặng Hoàng Xuân K về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ. Tuy nhiên, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa chính xác. Bởi bị cáo đã tái phạm (có 03 tiền án) chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là «Tái phạm nguy hiểm». Chính vì vậy ngày 04/6/2019, Hội đồng xét xử trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố lại để xác định chính xác khung hình phạt đối với bị cáo Đặng Hoàng Xuân K, nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố vì cho rằng việc bị cáo chưa thi hành khoản án phí và nộp phạt của Bản án số: 1103/HSST ngày 18/4/2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là do Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chưa thụ lý, đây là lỗi của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo Đặng Hoàng Xuân K về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì Bộ luật hình sự không quy định trường hợp loại trừ việc người bị kết án chưa chấp hành hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do gì. Hơn nữa, pháp luật thi hành án dân sự cũng quy định nhiều phương thức thi hành để người phải thi hành án có quyền lựa chọn (tự nguyện thi hành, thỏa thuận thi hành án hoặc nhờ người thân nộp thay). Mặt khác, bản án gần nhất là Bản án số: 1103/HSST ngày 18/4/2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định 02 bản án trước đó của bị cáo (Bản án số: 110/HSST ngày 10/5/1993 và Bản án số: 1038/HSST ngày 12/8/1995) là tiền án và tuyên bố bị cáo phạm tội với tình tiết định khung là «Tái phạm nguy hiểm» và như đã nêu, bản án này đến nay vẫn không đương nhiên được xóa án theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.3] Các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K đều là những người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, nhưng đều do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Bị cáo Lê Thị Cẩm T, ngày 06/8/2018 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B, Quận F quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Ngoài ra, các bị cáo còn có nhân thân xấu, đó là ngày 10/4/2013, bị cáo Lê Thị Cẩm T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B, Quận F quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 23/01/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 5 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 16/01/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp

xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Còn bị cáo Đặng Hoàng Xuân K ngày 20/3/1992, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội «Cướp tài sản của công dân và mặc dù lần phạm tội này bị cáo chưa đủ 16 tuổi thì coi như chưa bị kết án, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K, Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo Lê Thị Cẩm T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại bãi nại, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Còn bị cáo Đặng Hoàng Xuân K thì sau sự việc xảy ra, gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện hoàn trả cho ông HTT 2.000.000 đồng và được ông HTT bãi nại, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Ngày 04/02/2019, mẹ của bị cáo Đặng Hoàng Xuân K là bà Võ Thị K1 đã tự nguyện hoàn trả cho ông HTT 2.000.000 đồng, là tiền mà ông HTT bỏ ra mua chiếc điện thoại từ bị cáo K, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Riêng Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số F đã nhận lại tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động Iphone X 64Gb Silver màu trắng, số Imei: 359405082904101; 01 hộp màu trắng hiệu Iphone; 01 USB màu đỏ đen hiệu San Disk (có dữ liệu ghi lại hình ảnh Lê Thị Cẩm T thực hiện hành vi lấy trộm điện thoại tài sản tại Cửa hàng điện thoại F - địa chỉ 01 đường HG, Phường B, Quận F vào ngày 27/10/2018) và không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, đồng thời phía Công ty có đơn xin bãi nại, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị Cẩm T (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 06/12/2018; Đơn bãi nại ngày 12/11/2018 - BL 110, 236), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Việc xử lý vật chứng: 01 bộ đồ áo thun tay ngắn màu đỏ, quần thun màu đỏ; 01 cái áo thun trẻ em màu vàng nhạt; 01 quần đùi trẻ em màu xanh dương, là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 21/PNK ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Công an Quận 6 - BL240).

[9] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K khai sau khi bị cáo T chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của Cửa hàng điện thoại F, bị cáo đưa cho bị cáo K đem đến cửa hàng mua bán điện thoại Tấn Phát bán cho ông HTT lấy 4.000.000 đồng, bị cáo K chia cho bị cáo T 1.200.000 đồng, còn lại bị cáo K cất giữ tiêu xài. Ngày 04/02/2019, mẹ của bị cáo K là bà Võ Thị K1 đã hoàn trả cho ông HTT 2.000.000 đồng. Mặc dù, ông HTT không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại cho ông số tiền còn lại (theo Biên bản ghi lời khai ngày 22/02/2019 của Công an Quận 6 - BL233, 234), nhưng xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo nộp lại (bị cáo T nộp lại 1.200.000 đồng, bị cáo K nộp lại 800.000 đồng) để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Đối với ông HTT, Viện kiểm sát xác định ông không biết rõ chiếc điện thoại mà ông mua từ bị cáo Đặng Hoàng Xuân K, là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Cẩm T** (Cẩm) phạm tội: «Trộm cắp tài sản».
- Tuyên bố bị cáo **Đặng Hoàng Xuân K** (Thanh) phạm tội: «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có».
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Xử phạt bị cáo **Lê Thị Cẩm T** (Cẩm) 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2019.
- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
- Xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng Xuân K** (Thanh) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2018.
- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Thị Cẩm T nộp lại 1.200.000 (một triệu hai trăm ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Đặng Hoàng Xuân K nộp lại 800.000 (tám trăm ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bộ đồ áo thun tay ngắn màu đỏ, quần thun màu đỏ; 01 (một) cái áo thun trẻ em màu vàng nhạt; 01 (một) quần đùi trẻ em màu xanh dương.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Lê Thị Cẩm T, Đặng Hoàng Xuân K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Thị K1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên